

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VINH GIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VINH GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH GIA INVESTMENT CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VINH GIA ICT.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110515587

3. Ngày thành lập: 20/10/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 24, liền kề shophouse C3 tại khu C, khu đô thị mới Lê Trọng Tấn - Geleximco, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 098.7376.888

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322(Chính)
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đấu giá hàng hóa)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632

Thời gian đăng từ ngày 21/10/2023 đến ngày 20/11/2023

17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
19.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, trang trí sân khấu, hội chợ, hội nghị, hội thảo, triển lãm.	8230
26.	Dịch vụ đóng gói	8292
27.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
28.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới và quản lý bất động sản (Loại trừ hoạt động đấu giá)	6820
29.	Cho thuê xe có động cơ	7710
30.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại nhà nước cấm)	4690
31.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ đấu giá hàng hóa)	4711
32.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ đấu giá hàng hóa)	4719
33.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đấu giá hàng hóa)	4721
34.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
35.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đấu giá hàng hóa)	4723
36.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đấu giá hàng hóa)	4724
37.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đấu giá hàng hóa)	4730
38.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
39.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
40.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
41.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
42.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

43.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
44.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
45.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
46.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
47.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
48.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
49.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
50.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
51.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
52.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu giá hàng hóa)	4774
53.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lều lưu động hoặc tại chợ (Trừ đầu giá hàng hóa)	4781
54.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ (Trừ đầu giá hàng hóa)	4782
55.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ (Trừ đầu giá hàng hóa)	4783
56.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ đầu giá hàng hóa)	4784
57.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ (Trừ đầu giá hàng hóa)	4785
58.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ đầu giá hàng hóa)	4789
59.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá hàng hóa)	4791
60.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đầu giá hàng hóa)	4799
61.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
62.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
63.	Bốc xếp hàng hóa	5224
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay. (Trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không).	5229
66.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
67.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
68.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
69.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
70.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
71.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
72.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
73.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
74.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
75.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
76.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
77.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
78.	Xây dựng nhà để ở	4101
79.	Xây dựng nhà không để ở	4102
80.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
81.	Xây dựng công trình điện	4221
82.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
83.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
84.	Xây dựng công trình thủy	4291
85.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
86.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
87.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
88.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311
89.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
90.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

91.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu giá hàng hóa)	4741
92.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu giá hàng hóa)	4751
93.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu giá hàng hóa)	4752
94.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu giá hàng hóa)	4753
95.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu giá hàng hóa)	4759
96.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu giá hàng hóa)	4761
97.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu giá hàng hóa)	4762
98.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu giá hàng hóa)	4763
99.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu giá hàng hóa)	4764
100.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu giá hàng hóa)	4771
101.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu giá hàng hóa)	4772
102.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu vàng miếng và trừ đầu giá hàng hóa)	4773

6. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 990.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHÍ VINH HIẾU	Tổ dân phố số 7 Hòe Thị, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	198.000	1.980.000.000	20,000	0010850271 87	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	198.000	1.980.000.000	20,000		
2	PHÍ VINH CHÍNH	Tổ dân phố số 7 Hòe Thị, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	495.000	4.950.000.000	50,000	0010810045 60	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	495.000	4.950.000.000	50,000		

3	TRẦN THỊ THU TRANG	Tổ dân phố số 7 Hòe Thị, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	297.000	2.970.000.000	30,000	031184000926
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	297.000	2.970.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHÍ VINH CHÍNH
Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 08/04/1981
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001081004560

Ngày cấp: 25/04/2021
Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố số 7 Hòe Thị, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố số 7 Hòe Thị, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội